

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HS-ST
Ngày 27/11/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Như.

Ông Nông Xuân Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2020/TLST-HS ngày 11/11/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 16/11/2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn H - Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1984; Nơi sinh: huyện B, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Trọng Đ và con bà: Trần Thị M; Có vợ: Sùng Thị N và có 02 con; con lớn nhất 08 tuổi, con nhỏ nhất 06 tuổi; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 13 ngày 14/10/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị H- Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang.

(Vắng mặt có lý do).

- Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng đặc dụng D; *Đại diện theo ủy quyền:* ông Giàng Văn V; Chức vụ: cán bộ Ban quản lý rừng đặc dụng D

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 29/7/2020, Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng D nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại nhà Nguyễn Văn H, tại Thôn B, xã L, huyện B có cất giữ gỗ Trai nhóm IIA trái phép, qua kiểm tra phát hiện và thu giữ tại phía sau nhà Nguyễn Văn H có 15 thanh gỗ Trai nhóm IIA trong đó có 12 thanh gỗ dạng kèo có kích thước 5,0m x 13cm x 5cm; 03 thanh gỗ dạng đòn tay có kích thước 6,0m x 6cm x 6cm; có tổng khối lượng 0,454m³, quy tròn 0,727m³

không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc. Nguyễn Văn H khai số gỗ trên là do đi xẻ trên rừng từ năm 2018 đến năm 2019 mới kéo về, mục đích để làm nhà.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 15/9/2020 xác định vị trí khai thác thuộc lô 11, khoảnh 24, tiểu khu 142, chức năng đất rừng đặc dụng là rừng tự nhiên (theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt) do Ban quản lý rừng đặc dụng D quản lý. Tại hiện trường phát hiện 02 cây gỗ đã bị cưa đổ, vỏ ngoài, cành lá đã mục nát phần thân cây đã bị xẻ một phần, tiến hành kiểm tra cụ thể:

Tại vị trí gốc cây gỗ có số tọa độ trên máy định vị GPS là: E: 00473927; N: 02516685, kích thước cao 0,60m x đường kính trung bình 52cm đã bị cắt hạ, vết cắt đã cũ, có khối lượng $0,127\text{m}^3$ (ký hiệu là G01).

Từ gốc cây (ký hiệu G01) về phía Tây - Nam 10,40m phát hiện 01 khúc gỗ (ký hiệu K1) khúc K1 có kích thước dài: 8,50m x đường kính TB: 35cm có khối lượng: $0,818\text{m}^3$.

Từ điểm đầu của gốc G01 đến vị trí khúc K1 có chiều dài 6m, đường kính trung bình 43,5cm có khối lượng là $0,892\text{m}^3$ vị trí này đã bị khai thác toàn bộ (ký hiệu K2). Khối lượng gỗ tròn cả gốc và thân cây còn lại tại hiện trường của cây thứ nhất (ký hiệu G01) là $0,945\text{m}^3$.

Tại vị trí gốc cây gỗ có số tọa độ trên máy định vị GPS là: E: 00474119; N: 02516749, kích thước cao 0,78m x đường kính trung bình 50cm đã bị cắt hạ, gốc đã khô, mục phần vỏ, vết cắt cũ, có khối lượng $0,153\text{m}^3$ (ký hiệu là G02).

Từ gốc cây (ký hiệu G02) về phía Đông - Nam 2,40m phát hiện 01 khúc gỗ là phần thân của G02 có kích thước dài: 1,45m x đường kính TB: 38cm có khối lượng: $0,164\text{m}^3$ (ký hiệu là K1).

Cách khúc K1 về hướng Đông 0,10m phát hiện 01 khúc gỗ liền phần thân của khúc 1, có kích thước dài 1,80m x đường kính TB 33cm có khối lượng: $0,154\text{m}^3$ (ký hiệu là K2).

Tiếp giáp cuối khúc K2 về hướng Đông 5m phát hiện 01 khúc gỗ liền phần thân của gốc G02 có kích thước dài 9,20m x đường kính trung bình 39cm có khối lượng: $1,009\text{m}^3$ (ký hiệu K3).

Từ khúc K2 đến khúc K3 dài 5m x đường kính TB 36 cm đã bị khai thác toàn bộ có khối lượng $0,509\text{m}^3$ (ký hiệu là K4). Khối lượng gỗ tròn cả gốc và thân cây còn lại tại hiện trường của cây thứ hai (ký hiệu G02) là $1,570\text{m}^3$.

Tổng khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường của hai cây gỗ (bao gồm phần gốc, thân, phần giáp ngọn) có khối lượng là $2,516\text{m}^3$ (Hai phẩy năm trăm mười sáu mét khối), đồng thời trong quá trình khám nghiệm đã tiến hành thu giữ 02 mẫu gỗ để phục vụ cho công tác giám định ký hiệu M1, M2.

Ngày 17/9/2020, Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng D đã ra quyết định trưng cầu giám định số: 02/QĐ-KL gửi Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng Việt Nam, trưng cầu 02 (hai) mẫu gỗ thu tại hiện trường có ký hiệu: M1, M2.

Ngày 24/9/2020 Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng Việt Nam có kết luận số 458/CNR-VP kết luận tên và nhóm gỗ bị thiệt hại như sau:

Mẫu gỗ ký hiệu M1, M2 tên gỗ: Trai lý, tên khoa học: *Garcinia fagraeoides* A. Chev.

Loài gỗ Trai Lý thuộc nhóm IIA nằm trong “ danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quý hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính Phủ.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ngày 28/9/2020, Cơ quan Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Du Già đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và đề nghị Viện KSND huyện B ra quyết định chuyển vụ án “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” xảy ra tại Thôn B, xã L, huyện B, cùng ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã ra quyết định chuyển vụ án đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo khai nhận đầu tháng 02/2018 (*không nhớ ngày*) bị cáo một mình từ nhà vào khu rừng đặc dụng thuộc Thôn B, xã L, huyện B để tìm cây phong lan rừng mang về trồng khi đi lên khu vực rừng già phát hiện 01 cây gỗ Trai nhóm IIA đã bị cưa đổ, cành lá đã bị mục nát sau đó bị cáo tiếp tục đi tìm phong lan rồi đi về nhà. Đến đầu tháng 4/2018 bị cáo tiếp tục đi lên khu rừng và phát hiện thêm 01 cây gỗ Trai khác cũng bị cắt đổ phần thân cành lá đã mục nát do đó bị cáo đã nảy sinh ý định cắt xẻ 02 cây trên để làm đòn tay và kèo để làm nhà.

Đến đầu tháng 12/2018 bị cáo mang theo một máy cưa xăng kèm lam xích, cùng 06 chai pép xi nhựa đựng xăng và dầu nhớt đi lên khu rừng nơi phát hiện cây gỗ Trai thứ nhất bị cắt đổ từ trước (*Ký hiệu G01 theo Biên bản khám nghiệm hiện trường*), khi đến nơi bị cáo cắt 01 cành cây nhỏ thẳng dài 01m để làm thước đo sau đó bị cáo nổ máy cưa cắt 01 khúc gỗ Trai dài 06m (*sáu mét*) rồi tiến hành xẻ gỗ, trong khoảng thời gian 06 ngày Huỳnh xẻ được 08 thanh trong đó có 05 thanh kèo có kích thước: dài 5,0m x rộng 13cm x dày 5cm; 03 thanh đòn tay còn lại có kích thước: dài 6,0m x rộng 6,0m x dày 6cm. Sau khi xẻ xong cây thứ nhất bị cáo cất giấu máy cưa xăng và các đồ vật dụng khác tại rừng rồi đi về nhà.

Được khoảng một tuần sau bị cáo lại tiếp tục mang theo 01 can xăng màu vàng loại 5 lít; 02 chai nhựa loại 1,5 lít để đựng dầu nhớt đi lên khu rừng vị trí cây thứ 2 (*theo biên bản khám nghiệm hiện trường KH G02*) sau đó bị cáo cắt phần thân cây thành 04 khúc do khúc 1, khúc 2 bị mục hỏng nên bị cáo tiến hành xẻ khúc thứ 3 dài giáp ngọn được 07 thanh kèo có kích thước: dài 5,0m x rộng 13cm x dày 5 cm sau rồi mang máy cưa xăng về nhà còn can nhựa và 08 chai pepsi nhựa đựng xăng và dầu nhớt bị cáo vớt trên rừng.

Sau đó cuối tháng 12/2018 đến đầu tháng 01/2019 bị cáo một mình vận chuyển toàn bộ số gỗ trên mang về nhà cất dấu.

Trong quá trình điều tra bị cáo H khai 02 (hai) cây gỗ Trai nhóm IIA trên là do người khác cắt hạ từ trước, khi bị cáo đến khai thác thì phát hiện cây gỗ đã đổ phần ngoài vỏ, cành, lá đã mục nát, bị can chỉ khai thác ở cây thứ nhất (*ký hiệu G01*) 01 khúc (*theo biên bản khám nghiệm hiện trường ký hiệu K2 dài: 6m x đường kính TB 0,435m có khối lượng là 0,892m³*); Tại cây thứ hai (*ký hiệu G02*) bị can được cắt và khai thác 03 khúc (*theo biên bản khám nghiệm hiện trường ký hiệu K1 dài: 1,45m x đường kính TB 0,38m có khối lượng là 0,164m³; K2 dài: 1,80m x đường kính TB 0,33m có khối lượng là 0,154m³; K4 dài: 5m x đường kính TB 0,36m có khối lượng là 0,509m³*). Tổng số gỗ bị cáo khai thác có khối lượng là 1,719 m³ (*Một phẩy bảy trăm mười chín mét khối*), do vậy theo nguyên tắc có lợi

bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng gỗ khai thác là 1,719 m³, có giá trị 19.768.500đ (*mười chín triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm đồng*).

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) máy cưa xăng, màu cam cũ đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) lam xích máy cưa có chiều dài 80cm, bản rộng nhất 10cm cũ đã qua sử dụng; 02 (hai) cây gỗ Trai nhóm IIA là 2.516m³ bao gồm (gốc, thân, cành, ngọn và bắc bìa). (*Tại hiện trường*).

15 thanh gỗ Trai nhóm IIA trong đó có 12 thanh gỗ dạng kèo có kích thước 5,0m x 13cm x 5cm; 03 thanh gỗ dạng đòn tay có kích thước 6,0m x 6cm x 6cm; có tổng khối lượng 0,454m³, quy tròn 0,727m³. (*Tại gia đình bị cáo*)

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng đặc dụng D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Tại bản kết luận số 26/KL- HĐĐGTS Ngày 19/10/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện B có kết luận:

- 02 (hai) cây gỗ Trai lý nhóm IIA, có tổng khối lượng 3,917m³ (*Ba phẩy chín trăm mười bảy mét khối*) có giá trị là: 45.045.500đ (*Bốn mươi năm triệu, không trăm bốn mươi năm nghìn, năm trăm đồng*)

- 04 (bốn) khúc gỗ Trai lý bao gồm khúc K2 cây số 1; khúc K1, K2, K4 cây số 2 có tổng khối lượng là: 1,719m³ (*một phẩy bảy trăm mười chín mét khối*) có giá trị là: 19.768.500đ (*mười chín triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm đồng*)

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKSBM ngày 10/11/2020, của VKSND huyện B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn H phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

- *Hình phạt:* Áp dụng khoản 1 Điều 232, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo tù 12 tháng đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách từ 24 đến 28 tháng.

- *Hình phạt bổ sung:* Không.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả nên không đề cập.

- *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) máy cưa xăng, màu cam cũ đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) lam xích máy cưa có chiều dài 80cm, bản rộng nhất 10 cm cũ đã qua sử dụng; 02 (hai) cây gỗ Trai nhóm IIA là 2.516 m³ bao gồm (gốc, thân, cành, ngọn và bắc bìa); 15 thanh gỗ Trai nhóm IIA trong đó có 12 thanh gỗ dạng kèo có kích thước 5,0 m x 13cm x 5cm; 03 thanh gỗ dạng đòn tay có kích thước 6,0m x 6cm x 6cm; có tổng khối lượng 0,454m³, quy tròn 0,727 m³.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH (khóa 14) quy định về án phí, lệ phí tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trước cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường, biên bản tạm giữ và tịch thu tang vật.

- Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến bào chữa: nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo khoản 1 Điều 232 BLHS là đúng quy định của pháp luật. Nhưng đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo về trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh khó khăn là hộ nghèo, do cần vật liệu để làm nhà ở nên bị cáo mới phạm tội, nên đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo hưởng án treo đồng thời miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Đại diện nguyên đơn dân sự, tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, xem xét giảm hình phạt cho bị cáo vì điều kiện gia đình bị cáo thuộc diện khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, khó khăn về nhà ở nên bị cáo đã phạm tội.

Những người tham gia tố tụng không có tranh luận đối đáp với kiểm sát viên.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình khó khăn, xin giảm nhẹ hình phạt tạo điều kiện cho bị cáo hưởng án treo chấp hành án tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự, trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 01/2019 bị cáo Nguyễn Văn H đã có hành vi khai thác trái phép 02 cây gỗ Trai lý nhóm IIA có tổng khối lượng là 1,719m³ (*một phẩy bảy trăm mười chín mét khối*) và cắt xẻ được 15 thanh. Trong đó có 12 thanh gỗ dạng kèo có kích thước 5,0m x 13cm x 5cm; 03 thanh gỗ dạng đòn tay có kích thước 6,0m x 6cm x 6cm;

có tổng khối lượng $0,454\text{m}^3$, quy tròn $0,727\text{m}^3$ thuộc tiểu khu 142, khoảnh 24, lô 11 (theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt) đối tượng rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, do Bản Quản lý rừng đặc dụng Du Già, tỉnh Hà Giang quản lý, với mục đích lấy về làm nhà ở.

[3] Xét tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự, xâm phạm đến chế độ về quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, nhưng vì mục đích cá nhân khai thác gỗ để làm nhà nên bị cáo đã phạm tội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Đối với 02 (hai) cây gỗ Trai nhóm II A trên là do người khác cắt hạ từ trước có tổng khối lượng $2,516\text{ m}^3$, bị cáo chỉ khai thác ở cây thứ nhất có khối lượng là $1,719\text{ m}^3$, trị giá là 19.768.500đ. (*Mười chín triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng*). Do vậy nguyên tắc có lợi cho bị cáo bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số gỗ đã khai thác là $1,719\text{ m}^3$.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong vụ án này không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật đã phối hợp với cơ quan điều tra xác định hiện trường vụ án, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là lao động chính trong gia đình là hộ nghèo. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy không cần thiết phải cách ly mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo xử phạt tù nhưng được hưởng án treo nên hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo quy định tại Điều 125, 278 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Từ những căn cứ trên, xét thấy, mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo về hình phạt, xử lý vật chứng, miễn hình phạt bổ sung phạt tiền và miễn án phí đối với bị cáo có căn cứ chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo, và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo là có căn cứ cần được chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có việc làm, không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[9] Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa nguyên đơn dân sự không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau: Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) máy cưa xăng, màu cam cũ đã

qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) lam xích máy cưa có chiều dài 80cm, bản rộng nhất 10 cm cũ đã qua sử dụng; 02 (hai) cây gỗ Trai nhóm IIA là $2.516m^3$ bao gồm (gốc, thân, cành, ngọn và bắc bìa); 15 thanh gỗ Trai nhóm IIA trong đó có 12 thanh gỗ dạng kèo có kích thước 5,0m x 13cm x 5cm; 03 thanh gỗ dạng đòn tay có kích thước 6,0m x 6cm x 6cm; có tổng khối lượng 0,454m³, quy tròn 0,727m³.

[11] Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

[12] Quyền kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 232; Điều 50; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2, Điều 4 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 125; 278 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Xử phạt : Bị cáo Nguyễn Văn H 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, thời hạn thử thách kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Hủy bỏ ngay biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) máy cưa xăng, màu cam cũ đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) lam xích máy cưa có chiều dài 80cm, bản rộng nhất 10 cm cũ đã qua sử dụng; 02 (hai) cây gỗ Trai nhóm IIA là $2.516m^3$ bao gồm (gốc, thân, cành, ngọn và bắc bìa); 15 thanh gỗ Trai nhóm IIA trong đó có 12 thanh gỗ dạng kèo có kích thước 5,0m x 13cm x 5cm; 03 thanh gỗ dạng đòn tay có kích thước 6,0m x 6cm x 6cm; có tổng khối lượng 0,454m³, quy tròn 0,727m³.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 10/11/2020).

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bảo vệ quyền lợi cho bị cáo; Đại diện nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện + tỉnh Hà Giang;
- Công an huyện B;
- Sở tư pháp HG; PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện B;
- Trung tâm trợ giúp pháp lý.
- UBND xã L.
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hsva, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Thuận